TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ – ST
Ngày 24 - 9- 2021
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Dương Quang Lương.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị O, sinh năm 1961, "có mặt"

Địa chỉ: Ngõ X, tổ Y, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1954, "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2021 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Trịnh Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân B đăng ký kết hôn ngày 18/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; trước khi kết hôn ông bà được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn bà về sống cùng ông B tại gia đình nhà ông B ở Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng ngay thời gian đầu đã không hòa thuận, nguyên nhân là do ông B thường xuyên uống rượu say. Bà có khuyên bảo nhưng ông B không nghe mà ngày càng uống nhiều hơn, rồi đánh bà nên bà không thể ở cùng ông B được, bà đã về nhà bà ở từ tháng 3/2021 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị xin được ly hôn ông B.

Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung.

Về con riêng: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Ông Nguyễn Xuân B: Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án ông trình bày ông nhất trí với lời trình bày của bà O về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân là đúng. Nay bà O làm đơn xin ly hôn, ông cũng hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông bà chưa có con chung.

Về con riêng: Ông không đề nghị tòa án giải quyết.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ycho biết: Bà Trịnh Thị O và ông Nguyễn Xuân B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 18 tháng 9 năm 2020. Sau khi kết hôn ông B và bà O sống cùng nhau tại nhà ông B tại Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc một thời gian đến khoảng đầu năm 2021 không thấy bà O sống cùng ông B nữa, địa phương nghe nói bà O về nhà bà ở phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, nguyên nhân vợ chồng ông bà mâu thuẫn là do đâu địa phương cũng không nắm rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng bà O đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, ông B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Trịnh Thị O được ly hôn ông Nguyễn Xuân B; về án phí bà O phải chịu theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trịnh Thị O khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn ông Nguyễn Xuân B, do đó đây là vụ án ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Xuân B đang cư trú tại Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Bị đơn ông B vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà O, ông B và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện bà Trịnh Thị O và ông Nguyễn Xuân B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 18 tháng 9 năm

2020, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông B là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, mặt khác do ông B thường xuyên uống rượu, khi uống rượu hay đánh bà O. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà bà O đều khẳng định tình cảm vợ chồng với ông B không còn, việc đoàn tụ là không thể, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông B; ông B nhất trí ly hôn với bà O. Xét, cuộc sống chung giữa bà O ông B không thể tiếp tục, cuộc sống chung không có tình cảm, hiện tại đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, điều đó thể hiện ông bà không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần giải quyết cho bà Trịnh Thị O được ly hôn ông Nguyễn Xuân B.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng ông, bà chưa có con chung

[4] Về tài sản: Bà O không đề nghị Tòa án giải quyết, ông B vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Khi thụ lý vụ án bà O chưa đủ tuổi để xem xét miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án cho bà O nhưng khi xét xử bà O đã đủ tuổi được miễn án phí. Bà O được Tòa án giải thích về thủ tục xin miễn án phí, tuy nhiên bà O đã từ chối làm thủ tục xin miễn, đồng thời bà có đơn xin chịu số tiền mà bà đã nộp tạm ứng án phí, xét việc bà O xin chịu án phí là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yvề giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị O được ly hôn ông Nguyễn Xuân B.

Về án phí: Bà Trịnh Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2000/00000172 ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; bà O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Lan